SỞ GD & ĐT HẢI PHÒNG
TRƯỜNG THPT THỦY SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NIÊM YẾT CÔNG KHAI

(Theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT)

I- Thời gian: Hôm nay vào lúc 14h00 ngày 15/06/2023

II- Thành phần lập biên bản, gồm:

1	Bùi Văn Hiền	Hiệu trưởng	Trưởng ban
2	Phạm Thị Ngọc Dao	Phó Hiệu trưởng	Phó ban
3	Nguyễn Thị Thúy	Phó hiệu trưởng	Phó ban
4	Phạm Thị Siêng	Chủ tịch công đoàn	Phó ban
5	Bùi Thị Minh Ngọc	Trưởng ban TTND	Ủy viên
6	Nguyễn Ánh Nguyên	Bí thư Đoàn trường	Ủy viên
7	Nguyễn Văn Lúy	Tổ trưởng Tổ văn phòng	Ủy viên
8	Nguyễn Khắc Thành	Tổ trưởng CM	Ủy viên
9	Nguyễn Quốc Huy	Tổ trưởng CM	Ủy viên
10	Phạm Ngọc Linh	Tổ trưởng CM	Ủy viên
11	Bùi Thị Kim Luyên	Tổ trưởng CM	Ủy viên

III- Nội dung:

Trường THPT Thủy Sơn đã tiến hành niêm yết 3 công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài Chính tại trụ sở làm việc.

Nội dung niêm yết gồm có:

1. Biểu mẫu 3.1. Cam kết chất lượng giáo dục năm học 2022-2023

2. Biểu mẫu 3.2. Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế, năm học 2022-2023

3. Biểu mẫu 3.3. Công khai thông tin cơ sở vật chất, năm học 2022-2023

4. Biểu mẫu 3.4. Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên, năm học 2022-2023

5. Biểu mẫu 3.5. Công khai số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng trong năm học 2022-2023 và 02 năm tiếp theo

6. Phụ lục 5. Kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2020-2025 và Kết quả cải tiến chất lượng giáo dục năm học 2022-2023.

7. Biểu mẫu 6.3. Thực hiện dự toán thu - chi 6 tháng đầu năm 2023

8. Phương án tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2023-2024

Thời gian niêm yết: bắt đầu từ ngày 15/6/2023, kết thúc việc niêm yết vào ngày 15/7/2023

Việc niêm yết này được thực hiện liên tục theo đúng thời gian được quy định, kết thúc việc niêm yết sẽ lập biên bản hoàn thành việc niêm yết. Các bản kê khai được niêm yết tại nơi thuận tiện cho mọi người trong cơ quan xem.

Biên bản lập xong hồi 16 giờ 00 phút cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua./.

THƯ KÝ	TRƯỞNG BAN TTND	THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
Bùi Quốc Hưng	Bùi Thị Minh Ngọc	HIỆU TRƯỞNG Bùi Văn Hiền

Biểu mẫu 3.1

Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng
Trường THPT Thủy Sơn

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học phổ thông
Năm học 2022 - 2023

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 10	**Lớp 11**	**Lớp 12**
I	Điều kiện tuyển sinh	Thi tuyển theo kết quả của Sở GD&ĐT	Thi tuyển theo kết quả của Sở GD&ĐT	Thi tuyển theo kết quả của Sở GD&ĐT
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	10 lớp theo chương trình GDPT 2018	10 lớp theo chương trình học cơ bản	08 lớp theo chương trình học cơ bản
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Đầu năm học, Nhà trường tổ chức họp phụ huynh học sinh thông báo kế hoạch năm học, chỉ tiêu phấn đấu thi TN THPT đỗ tốt nghiệp, đỗ Đại học - Cao đẳng; Phối hợp chặt chẽ giữa Nhà trường và gia đình thông qua Thường trực ban đại diện CMHS của trường, của lớp và thông qua sổ liên lạc điện tử giữa GVCN với phụ huynh học sinh. - Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh: Tích cực, chủ động, sáng tạo dành nhiều thời gian tự học, tự nghiên cứu chuẩn bị bài.		
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Tổ chức nhiều hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp theo chủ đề, chủ điểm (có kế hoạch cụ thể). - Tổ chức phát động thi đua nhân các ngày lễ lớn.		
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Đạo đức khá tốt: 100% - Học lực: Tốt: 24,11% Khá: 58,04% Đạt: 17,19% Chưa đạt: 0,67%	- Đạo đức khá tốt: 100% - Học lực: Giỏi: 33,79% Khá: 51,49% TB: 12,64% Yếu: 2,07%	- Đạo đức khá tốt: 100% - Học lực: Giỏi: 59,94% Khá: 38,07% TB: 1,99% Yếu: không có
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	99,5%, hạn chế học sinh bỏ học và lưu ban	99,5% hạn chế học sinh bỏ học và lưu ban	100% học sinh đỗ tốt nghiệp THPT 65% học sinh đỗ vào các trường ĐH, CĐ

Thủy nguyên, ngày 15 tháng 06 năm 2023
Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO T.P HẢI PHÒNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG THỦY SƠN

HIỆU TRƯỞNG
Bùi Văn Hiền

Biểu mẫu 3.2

Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng
Trường THPT Thủy Sơn

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học phổ thông năm học 2022 - 2023

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	**Số học sinh chia theo hạnh kiểm**	**1.235**	**448**	**435**	**352**
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1181 95.63%	425 94.87%	407 93.56%	349 99,15%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	54 4.37%	23 5.13%	28 6.44%	3 0.85
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
II	**Số học sinh chia theo học lực**	**1.235**	**448**	**435**	**352**
1	Giỏi/Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	466 37.73%	108 24.11%	147 33.79%	211 59.94%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	687 50.04%	260 58.04%	224 51.49%	134 38.07%
3	Trung bình/Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	139 11.26%	77 17.19%	55 12.64%	7 1.99%
4	Yếu/Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	12 0.97%	3 0.67%	9 2.07%	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
VIII	**Số học sinh nam/số học sinh nữ**	1235/575	448/196	435/205	352/174
IX	**Số học sinh dân tộc thiểu số**				

Thủy nguyên, ngày 15 tháng 06 năm 2023
Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO T.P HẢI PHÒNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG THỦY SƠN

HIỆU TRƯỞNG
Bùi Văn Hiền

SỞ GD&ĐT HẢI PHÒNG
TRƯỜNG THPT THỦY SƠN

Biểu mẫu 3.3

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất, năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	**Số phòng học**	30	1,2 m^2/học sinh
II	**Loại phòng học**	30	54m^2
1	Phòng học kiên cố	30	54m^2
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	5	54m^2
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	-
7	Bình quân lớp/phòng học	26/30	0.87
8	Bình quân học sinh/lớp	1144/26	44
III	**Số điểm trường**	1	
IV	**Tổng số diện tích đất (m^2)**	9646m^2	9646m^2
V	**Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m^2)**	3000m^2	1500m^2
VI	**Tổng diện tích các phòng**		
1	Diện tích phòng học (m^2)	1620m^2	54m^2
2	Diện tích phòng học bộ môn (m^2)	270m^2	54m^2
3	Diện tích thư viện (m^2)	108m^2	108m^2
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m^2)	500m^2	500m^2
5	*Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m^2)*	30m^2	30m^2
VII	**Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu** (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	299	299/26
1.1	Khối lớp 10	94	94/10
1.2	Khối lớp 11	87	87/8
1.3	Khối lớp 12	118	118/8
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	57	57/26
2.1	Khối lớp 10	21	21/10
2.2	Khối lớp 11	17	17/8
2.3	Khối lớp 12	19	19/8
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	1	300m^2
4	…		
VIII	**Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập** (Đơn vị tính: bộ)	60	19.07 HS/bộ
IX	**Tổng số thiết bị dùng chung khác**		Số thiết bị/lớp
1	**Ti vi**	9	

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
2	**Cát xét**	01	
3	**Đầu Video/đầu đĩa**	03	
4	**Máy chiếu OverHead/projector/vật thể**	03	
5	**Màn hình tương tác**	03	
6	**Thiết bị khác...**	109	
X	**Tổng số thiết bị đang sử dụng trên lớp**		**Số thiết bị/lớp**
1	Ti vi	28	1.35
2	Cát xét		
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể		
5	Thiết bị khác...		
..	……		

	Nội dung	Số lượng (m^2)
XI	**Nhà bếp**	
XII	**Nhà ăn**	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m^2)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XIII	**Phòng nghỉ cho học sinh bán trú**			
XIV	**Khu nội trú**			

XV	**Nhà vệ sinh**	**Giáo viên nam**		**Giáo viên nữ**		**Học sinh nam**		**Học sinh nữ**	
		Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2	30	2	30	1	50	1	50
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*								

*(*Theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).*

	Nội dung	Có	Không
XVI	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	Có	
XVII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	Có	
XVIII	Kết nối internet	Có	
XIX	Trang thông tin điện tử (website) của trường	Có	
XX	Tường rào xây	Có	

Hải Phòng, ngày 15 tháng 6 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO T.P HẢI PHÒNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG THỦY SƠN

HIỆU TRƯỞNG

Bùi Văn Hiền

SỞ GD&ĐT HẢI PHÒNG
TRƯỜNG THPT THỦY SƠN

Biểu mẫu 3.4

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên, năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp				Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	Th.S	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Tốt	Khá	Đạt	Chưa Đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	68	0	18	58	0	4	6	0	4	55	0	57	0	0	0
I	**Giáo viên:** Trong đó số giáo viên dạy môn:	54	0	15	54	0	0	0	0	3	54	0	54	0	0	0
1	Toán	10		6	10	0	0	0	0	1	10	0	10	0	0	0
2	Lý	3	0	1	3	0	0	0	0	0	3	0	3	0	0	0
3	Hóa	5	0	3	5	0	0	0	0	1	5	0	5	0	0	0
4	Sinh	2	0	0	2	0	0	0	0	0	2	0	2	0	0	0
5	Tin học	3	0	1	3	0	0	0	0	1	3	0	3	0	0	0
6	Công nghệ	3	0	0	3	0	0	0	0	0	3	0	3	0	0	0
7	Ngữ văn	8	0	2	7	0	0	0	0	0	7	0	7	0	0	0
8	Lịch Sử	3	0	0	3	0	0	0	0	0	3	0	3	0	0	0
9	Địa lý	4	0	0	4	0	0	0	0	0	4	0	4	0	0	0
10	GDCD	2	0	0	2	0	0	0	0	0	2	0	2	0	0	0
11	Tiếng Anh	7	0	3	7	0	0	0	0	0	7	0	7	0	0	0
12	GDTC	4	0	0	4	0	0	0	0	0	4	0	4	0	0	0
13	GDQP-AN	1	0	0	1	0	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0
II	**Cán bộ quản lý**	3	0	3	3	0	0	0	0	1	3	0	3	0	0	0
1	Hiệu trưởng	1	0	1	1	0	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0
2	Phó hiệu trưởng	2	0	2	2	0	0	0	0	1	2	0	2	0	0	0
III	**Nhân viên**	11	0	0	1	0	4	6	0	0	0	0				
1	Nhân viên văn thư	1	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0				
2	Nhân viên kế toán	1	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0				
3	Thủ quỹ	1	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0				
4	Nhân viên y tế	1	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0				
5	Nhân viên thư viện	1	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0				
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0				
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người huyết tật	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0				
8	Nhân viên công nghệ thông tin	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0				
9	Nhân viên lao công-bảo vệ	6	0	0	0	0	6	0	0	0	0	0				

Hải Phòng, ngày 15 tháng 6 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO T.P HẢI PHÒNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG THỦY SƠN

HIỆU TRƯỞNG

Bùi Văn Hiền

SỞ GD&ĐT HẢI PHÒNG
TRƯỜNG THPT THỦY SƠN

Biểu mẫu 3.5

THÔNG BÁO

Công khai số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng trong năm học 2022-2023 và 02 năm tiếp theo

STT	Thời gian đào tạo, bồi dưỡng	Đối tượng tham gia	Số lượng người tham gia	Nội dung đào tạo bồi dưỡng	Hình thức đào tạo, bồi dưỡng	Trình độ đào tạo, bồi dưỡng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Năm học 2022-2023	GBGV	55	CT GDPT2018	Trực tuyến	Modul
2	Năm học 2022-2023	GV	02	Chuyên môn	Trực tuyến/trực tiếp	Thạc sĩ
3	Năm học 2022-2023	NV	01	Kế toán	Trực tuyến	Trung cấp
4	Năm học 2023-2024	CBGV	55	CT GDPT2018	Trực tuyến/trực tiếp	Modul
5	Năm học 2023-2024	GV	02	Chuyên môn	Trực tuyến/trực tiếp	Thạc sĩ
6	Năm học 2023-2024	NV	01	Kế toán	Trực tuyến/trực tiếp	Trung cấp
7	Năm học 2024-2025	CBGV	55	CT GDPT2018	Trực tuyến/trực tiếp	Modul
8	Năm học 2024-2025	GV	01	Chuyên môn	Trực tuyến/trực tiếp	Tiến sĩ
9	Năm học 2024-2025	GV	02	Chuyên môn	Trực tuyến/trực tiếp	Thạc sĩ
10	Năm học 2024-2025	NV	01	Thư viện	Trực tuyến/trực tiếp	Cao đẳng/Đại học
11	Năm học 2024-2025	NV	01	CNTT	Trực tuyến/trực tiếp	Đại học

Hải Phòng, ngày 15 tháng 6 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO T.P HẢI PHÒNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG THỦY SƠN

HIỆU TRƯỞNG

Bùi Văn Hiền

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG
TRƯỜNG THPT THỦY SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 26./BC-THPTTS

Hải Phòng, ngày 15 tháng 6 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC CẢI TIẾT CHẤT LƯỢNG NĂM HỌC 2022-2023

1. Kế hoạch và kết quả công tác cải tiến chất lượng giáo dục:

1.1. Kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục

Trường THPT Thủy Sơn dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, tự xem xét, đánh giá thực trạng chất lượng các hoạt động giáo dục, cơ sở vật chất, các vấn đề liên quan khác của nhà trường để điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm duy trì và cải tiến, nâng cao các tiêu chuẩn đánh giá trường THPT.

Căn cứ vào Báo cáo tự đánh giá của đơn vị đã được công nhận, đối chiếu với các tiêu chuẩn quy định tại Thông tư số 18/2018 của Bộ GDĐT để xác định được điểm yếu. Từ đó có kế hoạch cải tiến chất lượng hiệu quả phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường.

Hoạt động cải tiến đã được thực hiện đồng bộ trong toàn đơn vị ở cả 28 tiêu chí của 5 tiêu chuẩn kết hợp cùng kế hoạch cải tiến theo năm học, được cụ thể hóa, chi tiết hóa các mục đích thành mục tiêu năm học; cuối mỗi học kỳ, mỗi năm học đều có báo cáo sơ kết, tổng kết để đánh giá mức độ đạt được của từng chỉ số, tiêu chí, tiêu chuẩn.

Trường THPT Thủy Sơn đã và đang triển khai công tác *Cải tiến Chất lượng giáo dục Nhà trường giai đoạn 2020-2025* của Hiệu trưởng trường THPT Thủy Sơn với mục đích:

Tiếp tục tạo dựng mối quan hệ đoàn kết nội bộ trong cơ quan; nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của mọi thành viên trong nhà trường;

Tranh thủ sự ủng hộ của các tổ chức chính trị xã hội, tập thể cá nhân, cha mẹ học sinh trong việc huy động nguồn lực xã hội hóa giáo dục.

Duy trì và phát huy những việc đã làm được đồng thời tập trung cải tiến các điểm còn hạn chế trong chu kỳ kiểm định vừa qua.

Cải tiến chất lượng để đáp ứng với các yêu cầu, quy định hiện hành và đồng thời hình thành quy trình quản lý và hoạt động tiến tới cụ thể hóa mối quan hệ công việc thay vì mối quan hệ con người.

Cải tiến chất lượng nhằm duy trì, phát huy điểm mạnh và khắc phục điểm yếu trong quá trình kiểm định chất lượng giáo dục tại chu kỳ trước để tiến tới đạt chuẩn kiểm định chất lượng mức độ cao hơn ở chu kỳ tới.

Cải tiến chất lượng để đảm bảo chất lượng và từ đó xây dựng văn hóa chất lượng.

1.2. Kết quả Đánh giá ngoài (tại thời điểm tháng 5 năm 2020)

Đánh giá theo từng tiêu chí từ Mức 1 đến Mức 2 (Mức 3 chưa thực hiện)

- Tổng số tiêu chuẩn được đánh giá: 05 tiêu chuẩn.
- Tổng số tiêu chí được đánh giá: 28 tiêu chí.
- Kết quả đã được đánh giá đạt Cấp độ 2:

Tiêu chuẩn	Số tiêu chí	Số chỉ báo đạt	Số tiêu chí đạt	Số tiêu chí chưa đạt	Lý do tiêu chí không đạt
1	10	44/44	10	0	
2	4	21/21	4	0	
3	6	28/28	6	0	
4	2	9/9	2	0	
5	6	28/28	6	0	
Tổng	**28**	**130**	**28**	0	

+ Số tiêu chí đạt Mức 1: 28 tiêu chí, chiếm 100,0%

+ Số tiêu chí đạt Mức 2: 28 tiêu chí, chiếm 100,0%

+ Số tiêu chí chưa đạt: 0 tiêu chí, chiếm 0,0%

- Tổng số chỉ số được đánh giá: 130 chỉ số. Trong đó 130/130 chỉ số đạt (100%).
- Một số chỉ số đã đạt nhưng chưa vững chắc, cần tiếp tục cải tiến nâng cao.

Kết luận: Căn cứ Điều 43 của Thông tư 18/2018/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành *Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên*, **Trường THPT Thủy Sơn được Công nhận Kiểm định chất lượng giáo dục đạt Cấp độ 2, Trường Chuẩn quốc gia Mức độ 1.**

1.3. Kết quả cải tiến chất lượng giáo dục năm học 2022-2023

Về Tiêu chuẩn 1. *Tổ chức và quản lý nhà trường.*

- Tăng cường sử dụng CNTT trong công tác quản lý tài sản, CSVC-TBDH&CN.
- Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 với lớp 10 đã có những bước đầu điều chỉnh kế hoạch giáo dục bám sát với Chương trình khung.
- Nhà trường đã xây dựng các kế hoạch triển khai nghiên cứu và chọn SGK lớp 11 và lớp 10 năm 2023-2023; dự kiến nhân sự, chuẩn bị cơ sở vật chất và hoạt động giáo dục

phục vụ cho chương trình lớp 10, 11 của chương trình Giáo dục phổ thông 2018 áp dụng cho năm học 2023-2024.

- Triển khai hiệu quả công tác ứng dụng CNTT trong dạy và học trực tuyến.

- Công đoàn cùng với nhà trường tham gia đầy đủ các cuộc thi, các phong trào do Công đoàn ngành phát động; Thực hiện tốt công tác chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho đoàn viên công đoàn.

- Đoàn thanh niên phối hợp tổ chức hiệu quả các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, tổ chức được các CLB, các phong trào cho học sinh tham gia.

Về Tiêu chuẩn 2. *Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.*

- Các đồng chí PHT đã tham gia tập huấn các môn dul quản lý chương trình GDPT2018.

- Đã thực hiện công tác tuyển dụng giáo viên ở bộ môn Tiếng Anh và KT-PL đáp ứng cho Chương trình GDPT 2018 thực hiện cho năm học 2023-2024.

- Các đồng chí giáo viên được cử đi học bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm, tiếp cận chương trình giáo dục phổ thông 2018, sẵn sàng thực hiện tốt cho năm học 2023-2024.

- Thực hiện nghiêm túc các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của cấp trên về việc cử cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia các lớp tập huấn, học tập bồi dưỡng thường xuyên về chuyên môn và nghiệp vụ; Năm học 2022-2023, nhóm giáo viên tiếng Anh tiếp tục tham gia lớp bồi dưỡng Tiếng Anh nâng chuẩn theo đề án ngoại ngữ 2020; CB-GV đã thực hiện nghiêm túc việc tập huấn các modul 3, 4 và modul 5 về chương trình GDPT2018.

Về Tiêu chuẩn 3. *Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học.*

- Lập tờ trình xin sửa chữa dãy nhà C, nhà đa năng, phòng học chức năng.

- Làm bổ sung nhà để xe học sinh phục đảm bảo yêu cầu tăng số lớp, tăng số lượng học sinh.

- Hoàn thành vườn trường phía sau khu hiệu gộ để phục vụ yêu cầu xanh, sạch, đẹp

- Lắp mới màn hình LED sân khấu để phục vụ tổ chức các Hội nghị ngoài trời

- Nâng cấp đường điện lưới để đảm bảo yêu cầu sử dụng

- Trang bị bàn ghế gỗ, Ti vi 65 inch ở 04 phòng học.

- Sửa chữa, bổ sung điện nước, hệ thống mạng, thiết bị văn phòng.

Về Tiêu chuẩn 4. *Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội*

- Nhà trường đã chủ động phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước, các đoàn thể, tổ chức ở địa phương đề xuất những biện pháp cụ thể nhằm thực hiện chủ trương và kế hoạch phát triển giáo dục địa phương.

- Ban đại diện cha mẹ học sinh được thành lập và hoạt động theo đúng quy chế hiện hành, hoạt động có hiệu quả trong việc kết hợp với nhà trường và xã hội để giáo dục học sinh.

- Mối quan hệ và thông tin giữa nhà trường, gia đình và xã hội được duy trì thường xuyên, kịp thời, chặt chẽ, tạo nên môi trường giáo dục lành mạnh, phòng ngừa, đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực vi phạm pháp luật, tệ nạn xã hội thâm nhập vào nhà trường.

- Huy động hợp lý và có hiệu quả sự tham gia của gia đình và cộng đồng vào các hoạt động giáo dục, tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị và điều kiện nâng cao hiệu quả giáo dục của nhà trường.

- Thực hiện đúng các quy định về công khai điều kiện dạy học, chất lượng giáo dục, các nguồn kinh phí được đầu tư, hỗ trợ, của nhà trường theo đúng quy định hiện hành.

Về Tiêu chuẩn 5. *Chất lượng giáo dục*

- Chất lượng đầu ra tăng lên so với các năm học trước.

- Học lực:

a. Xếp loại Giỏi đạt 37,73% (Vượt chỉ tiêu đầu năm).

b. Xếp loại Khá đạt 50,05% (Đạt chỉ tiêu đầu năm).

c. Xếp loại yếu, kém đạt 0,97% (Đạt chỉ tiêu đầu năm).

- Hạnh kiểm:

a. Xếp loại Tốt đạt 95,63%.

b. Xếp loại Khá đạt 4,34%

(Chỉ tiêu đầu năm nhà trường tốt khá đạt từ 90% trở lên.)

c. Xếp loại yếu đạt 0,97% (Chỉ tiêu đầu năm nhà trường là không quá 1%).

- Số lượng học sinh bỏ học, đi du học, chuyển trường là 22 em, chuyển đến là 02 em. (Chỉ tiêu đầu năm nhà trường là không quá 4% học sinh bỏ học, lưu ban).

- Kỳ thi chọn HSG lớp 12 cấp thành phố vừa qua, đội tuyển nhà trường có 49 em dự thi ở các bộ môn, kết quả đã đạt 19 giải. Trong đó 1 giải nhì, 6 giải ba, 12 giải khuyến khích.

- Kỳ thi chọn HSG cấp trường với .... thí sinh dự thi ở 11 bộ môn văn hóa. Kết quả đã có 268 giải, trong đó có 25 giải nhất, 39 giải nhì, 59 giải ba và 145 giải tư.

- Các hoạt động giáo dục: Năm học 2022-2023, nhà trường đã tích cực đẩy mạnh việc thực hiện xây dựng "Trường học thân thiện, học sinh tích cực". Thực hiện đúng quy định về biên chế thời gian năm học của UBND Hải Phòng. Thực hiện đều ở các tổ chuyên môn về hoạt động ngoại khóa.

2. Thuận lợi và khó khăn

2.1. Thuận lợi

Nhà trường được UBND huyện Thủy Nguyên, các ban ngành sở tạo điều kiện trong các công tác giáo dục ở địa phương.

Tập thể lãnh đạo, Hội đồng sư phạm, các tổ chức đoàn thể trong nhà trường tạo được sự đoàn kết thống nhất cao trong mọi hành động.

Khuôn viên nhà trường được quy hoạch hợp lý, tạo môi trường cảnh quan xanh - sạch - đẹp - văn minh.

Cơ sở vật chất khang trang, hiện đại đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông hiện hành.

Đội ngũ CB-GV-NV 100% (66/66) đạt chuẩn đào tạo và 30% (20/66) trên chuẩn; năng lực tay nghề với 91% (48/53) giáo viên dạy giỏi cấp trường, 41.51% (22/53) giáo viên dạy giỏi cấp thành phố.

Quy mô học sinh được nâng lên theo từng năm (từ 974 với 24 lớp năm học 2017-2018 đến nay có 1252 học sinh với 28 lớp, tăng 278 học sinh); chất lượng học sinh đại trà được đảm bảo, chất lượng học sinh giỏi được tăng lên cả về số lượng và chất lượng, tỷ lệ học sinh đỗ vào các trường Đại học và Cao đẳng đạt từ 50% đến 60% tổng số học sinh tham gia xét tuyển.

Đa số học sinh ngoan ngoãn và chăm chỉ học tập, nghiêm chỉnh chấp hành nội quy của trường lớp, thực hiện nền nếp tốt; nhiệt tình tham gia các hoạt động học tập theo chuyên đề và các hoạt động xã hội do Đoàn TN và Nhà trường phát động.

Đa số phụ huynh quan tâm đến việc học tập của con em và sẵn sàng hỗ trợ nhà trường về mọi mặt để xây dựng nhà trường ngày càng phát triển.

2.2. Khó khăn

Diện tích đất sử dụng bình quân trên đầu học sinh còn thiếu, diện tích phòng học, phòng thực hành chưa đảm bảo quy định hiện hành.

Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và công nghệ chưa đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Quy mô về học sinh trên địa bàn huyện tăng dẫn đến quy mô học sinh trong trường tăng nhanh, đồng thời năm học 2023-2024 thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới năm thứ 2 nên dẫn đến việc thừa - thiếu cục bộ giáo viên.

Nhiều năm ngành giáo dục không có cơ chế tuyển mới nhân viên nên nhà trường khó khăn trong việc sắp xếp, bố trí công việc cho nhân viên văn phòng, đặc biệt là ở các vị trí việc làm Thư viện, TBTN…

Chất lượng học sinh tuyển sinh vào 10 hàng năm còn thấp so với các trường THPT khác trong huyện Thủy Nguyên; chất lượng học sinh mũi nhọn còn thấp; công tác giáo dục hướng nghiệp còn chưa mạnh.

3. Tồn tại - Nguyên nhân - Giải pháp

3.1. Tồn tại đang tiến hành cải tiến

- Về diện tích:

+ Diện tích mặt bằng chưa đạt tiêu chuẩn

+ Phòng học, phòng bộ môn chưa đáp ứng thông tư 13, 14.

- Về CSVC: chưa đáp ứng đủ chương trình GDPT 2018.

- Về Đội ngũ: Thiếu 8 giáo viên và 02 nhân viên.

3.2. Nguyên nhân tồn tại

- Do diện tích xây dựng được cấp chưa đáp ứng.

- Cơ sở vật chất đảm bảo phục vụ chương trình giáo dục phổ thông hiện hành nhưng còn chưa đảm bảo một số nội dung của chương trình GDPT 2018.

- Do Sở không có chỉ tiêu tuyển giáo viên, nhân viên.

3.3. Giải pháp

- Tăng cường đầu tư kinh phí hỗ trợ cho nhà trường trong việc sửa chữa, bổ sung CSVC trang thiết bị phòng học, phòng chức năng, sửa chữa các dãy nhà lớp học đã xuống cấp. Hoàn thiện các dự án như: sân thể thao-quốc phòng, nhà thi đấu thể thao đa năng,...

- Tiếp tục nghiên cứu Chương trình GDPT 2018 để xây dựng kế hoạch bổ sung thiết bị, đồ dùng dạy học đáp ứng được yêu cầu của chương trình PT 2018.

- Tiếp tục cải tiến chất lượng giáo dục theo kế hoạch năm học và kế hoạch giai đoạn.

4. Đề xuất và kiến nghị

Đề nghị lãnh đạo Sở Giáo dục và Đào tạo thường xuyên quan tâm, theo dõi, chỉ đạo kịp thời, giúp nhà trường tổ chức thực hiện tốt các kế hoạch đã đề ra để xây dựng trường

THPT Thủy Sơn được **Công nhận Kiểm định chất lượng giáo dục đạt Cấp độ 3, Trường Chuẩn quốc gia Mức độ 2** vào năm học 2024-2025.

Đề nghị lãnh đạo huyện Thủy Nguyên thường xuyên quan tâm, hỗ trợ kịp thời, giúp Nhà trường tổ chức thực hiện tốt các kế hoạch đã đề ra để xây dựng trường THPT được **Công nhận Kiểm định chất lượng giáo dục đạt Cấp độ 3, Trường Chuẩn quốc gia Mức độ 2.**

Đối chiếu theo 5 tiêu chuẩn quy định, Nhà trường đã thực hiện đầy đủ và đảm bảo 5 tiêu chuẩn của trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2. Tuy nhiên vẫn còn một số hạn chế còn tồn tại. Trong thời gian tới, BGH nhà trường sẽ tiếp tục thúc đẩy tiến độ xây dựng trường đạt chuẩn, phát huy hơn nữa những kết quả đã đạt được, tập trung nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Phấn đấu xây dựng các tiêu chí để đạt mức độ cao hơn./.

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO T.P HẢI PHÒNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG THỦY SƠN

Bùi Văn Hiền

Nơi nhận
- Sở GD (để B/c);
- CU, BGH, CĐ, ĐTN (để th/h);
- HĐ TĐG (để th/h)
- CB-GV-NV Nhà trường (để th/h)
- Website nhà trường;
- Lưu: VP.

SỞ GD&ĐT HẢI PHÒNG
TRƯỜNG THPT THỦY SƠN

Biểu mẫu 6.3

THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 4168/QĐ-UBND ngày 16/01/2023 của UBND)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện …..[1]	Ước thực hiện/dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện ……[1] nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	**TỔNG SỐ THU, CHI, NỘP NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ**				
I	**Số thu phí, lệ phí**				
1	**Học phí (nếu có)**				
1.1	Số dư năm trước chuyển sang				
1.2	Mức thu ….	77			
1.3	Tổng số thu trong năm	481	481	96%	98.5%
1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	481	481	96%	98.5%
1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng [1]	481	481	100%	100%
1.6	Số chi trong năm				
	Trong đó: - Bổ sung chi lương				
	- Chi tăng cường cơ sở vật chất				
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn				
	- Chi khác				
1.7	Số dư cuối năm	0	0	0	0
1.8	Dự kiến mức thu (2 năm học tiếp theo đối với GDMN; cả cấp học đối với GDPT và CSGD chuyên biệt; cả khóa học đối với GDTX)				
2	**Dạy thêm học thêm, học nghề (nếu có)** *(Mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)*				
2.1	**……**				
2.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	0	0	0	
2.1.2	Mức thu …..	0.7			
2.1.3	Tổng số thu trong năm	1.565	1.565	98,5%	100%
2.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	1.565	1565	100%	100%
2.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng [3]	1.558	1558	99.5%	100%
2.1.6	Số chi trong năm				
	Trong đó: - Chi giáo viên giảng dạy và giáo viên phụ trách lớp học	1.090	1.090	70%	70%
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	140	140	9%	9%
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	218	218	15%	15%
	- Chi phúc lợi	110	110	6%	6%
	- Chi khác:……		0	0	0
2.1.7	Số dư cuối năm				
	……				
3	**Tài trợ, hỗ trợ (nếu có: chi tiết theo từng công trình, dự án)**				

[1] Đối với đơn vị công lập phải gửi vào kho bạc nhà nước.

TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện .....[1]	Ước thực hiện/dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện .....[1] nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
3.1	**.....**				
3.1.1	Số dư năm trước chuyển sang				
3.1.2	Tổng số thu trong năm				
3.1.3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm				
3.1.4	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng [3]				
3.1.5	Số chi trong năm				
	Trong đó: -				
	-				
	-				
3.1.6	Số dư cuối năm				
	.....				
4	**Dịch vụ: Trông giữ xe, căng tin, bán trú....** *(Nếu có: Liệt kê các dịch vụ thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)*				
4.1.	**.....**				
4.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	22			
4.1.2	Mức thu	240			100%
4.1.3	Tổng số thu trong năm	265	265	100%	100%
4.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	287	287	100%	100%
4.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng [3]	287	287	100%	100%
4.1.6	Số chi trong năm				
	Trong đó: - Chi cho người tham gia				
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước	26.5	26.5	100%	100%
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	238.5	238.5	100%	100%
	- Chi phúc lợi				
	- Chi khác:.....				
4.1.7	Số dư cuối năm				
	.....				
5	**Liên kết giáo dục: Kỹ năng sống, Tiếng Anh tăng cường, Tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài, Tin học...** *(Nếu có: Liệt kê các nội dung liên kết giáo dục được thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây*				
5.1	**.....**				
5.1.1	Số dư năm trước chuyển sang				
5.1.2	Mức thu	0.375			
5.1.3	Tổng số thu trong năm	490	490	99%	100%
5.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	490	490	100%	100%
5.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng [3]	473	473	96.5%	100%
5.1.6	Số chi trong năm	490	490	100%	100%
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng hoặc cho người dạy....	416	416	85%	100%
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất				
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo.....	56	56	15%	100%
	- Chi phúc lợi	17	17	3.5%	100%
	- Chi khác:.....				
5.1.7	Số dư cuối năm				

TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện …..[1]	Ước thực hiện/dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện ……[1] nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	……				
6	**Thu hộ, chi hộ: BHYT, Đoàn, Đội, đồng phục, sách vở, …..** (Nếu có: *Liệt kê các nội dung được thực hiện tại đơn vị theo số liệu thực tế, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)*				
6.1	**……**				
6.1.1	Số học sinh				
6.1.2	Mức thu ……				
6.1.3	Tổng thu				
6.1.4	Đã chi				
6.1.5	Dư				
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**				
1	**Chi sự nghiệp …….**				
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
2	**Chi quản lý hành chính**				
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**				
1	Học phí				
2	Học nghề				
3	Học Tiếng anh				
4	Học kỹ năng sống				
5	Trông giữ xe		26.5	26.5	10%
6	……				
	……..				

TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện .....(1)	Ước thực hiện/dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện .....(1) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
B	**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**				
I	**Nguồn ngân sách trong nước**				
1	**Chi quản lý hành chính**				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	8.254	8.254	100%	100%
	Chi thanh toán cá nhân	3.671	3.671	44.5%	100%
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn	297	297	100%	100%
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa	6	6	100%	100%
	Chi khác	10	10	100%	100%
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	500	500	100%	
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa	500	500	100%	100%
	Chi khác				
2	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**				
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	91	91	100%	100%
	Chi thanh toán cá nhân	63	63	100%	100%
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác	28	28	100%	100%
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
II	**Nguồn viện trợ**				
1	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
III	**Nguồn vay nợ nước ngoài**				
1	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				

Hải Phòng, ngày 15 tháng 6 năm 2023

Người lập
(Ký, ghi họ tên)

Người viết Lưu

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO T.P HẢI PHÒNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG THỦY SƠN

HIỆU TRƯỞNG
Bùi Văn Hiền

15/06/2023

PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN TỔ HỢP CÁC LỚP TUYỂN MỚI
NĂM HỌC 2023-2024

Ngoài các môn học bắt buộc, Trải nghiệm hướng nghiệp và Giáo dục địa phương trường đáp ứng yêu cầu các tổ hợp môn sau:

STT	LỚP	Số học sinh dự tuyển	Số môn TH	Tổ hợp KHXH		Tổ hợp KHTN			Tổ hợp KH				Dự kiến môn GDTC
				Địa	KT-PL	Lí	Hóa	Sinh	CN	Tin	AN	MT	
1	A1	45	4			x	x	x		x			Bóng rổ
2	A2	45	4			x	x	x		x			Bóng rổ
3	A3	45	4			x	x	x		x			Bóng rổ
4	A4	45	4			x	x	x		x			Bóng rổ
5	A5	45	4	x	x	x			x				Bóng rổ
6	A6	45	4	x	x	x			x				Đá cầu
7	A7	45	4	x	x		x		x				Đá cầu
8	A8	45	4	x	x		x		x				Đá cầu
9	A9	46	4	x	x			x	x				Cầu lông
10	A10	46	4	x	x			x	x				Cầu lông
Cộng:		452											

- Mỗi học sinh trúng tuyển được đăng ký lựa chọn 01 tổ hợp theo lớp
- Số học sinh mỗi lớp không quá 45; 02 học sinh tuyển thẳng biên chế A9,A10
- Thời gian đăng ký sẽ có thông báo cụ thể tại bảng dán của nhà trường.

Thủy Nguyên, ngày 15 tháng 6 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO T.P HẢI PHÒNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG THỦY SƠN

HIỆU TRƯỞNG

Bùi Văn Hiền